

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Thành

Ông Trần Hữu Ước

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sùng Thị G; sinh ngày: 12/02/1998; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn BT, xã XG, huyện QB, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn LV, xã NK, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Giàng Seo Tr; sinh ngày: 20/12/1995; địa chỉ: Thôn BT, xã XG, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Hoàng Văn H; sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn BT, xã XG, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị H; sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn BT, xã XG, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo đơn, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Sùng Thị G khai chị và anh Giàng Seo Tr chung sống như vợ chồng năm 2014, sau đó đăng ký kết hôn ngày 26/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã XG, huyện QB, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do anh Tr thỉnh thoảng say rượu, không làm chủ được bản

thân, đánh chửi chị nhiều lần và nghi ngờ chị ngoại tình với người đàn ông khác, trong khi thực tế không có chuyện đó. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn LV, xã NK, huyện QB và sống ly thân với anh Tr từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, chị không còn tình cảm vợ chồng, yêu thương gì với anh Tr nữa nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Tr. Vợ chồng có hai con gái chung là cháu Sùng Thị D, sinh ngày 31/12/2014 và cháu Giàng Thị Y, sinh ngày 09/9/2016. Cháu D được sinh ra trước khi hai vợ chồng đăng ký kết hôn nhưng là sau khi hai vợ chồng đã chung sống và là con chung của hai vợ chồng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Y, còn anh Tr nuôi cháu D, không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung nên chị G không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này. Hiện nay chị G về sống và làm ruộng cùng bố mẹ đẻ, không có thu nhập cố định và không tính được thu nhập một tháng cụ thể là bao nhiêu.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Giàng Seo Tr khai về việc chung sống với chị G như vợ chồng, sau đó đăng ký kết hôn và có hai con gái chung là đúng như chị G đã khai ở trên. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị G nhảm tin, gọi điện cho người đàn ông khác, nhưng anh Tr không có chứng cứ nào về việc này để cung cấp cho Tòa án. Anh Tr thừa nhận là do nghĩ chị G có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng có xích mích, cãi cọ và trong lúc nóng giận anh Tr có tát chị G hai lần. Từ tháng 01 năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, chị G đã về nhà mẹ đẻ ở. Anh Tr đã nhiều lần đến nhà mẹ của chị G, khuyên và đón chị G về nhưng không được. Anh Tr cũng nhận thấy chị G không còn tình cảm với mình, nhưng anh không nhất trí ly hôn với chị G vì anh vẫn còn tình cảm với chị G. Anh Tr mong muốn chị G suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung, nếu vợ chồng ly hôn, anh Tr muốn nuôi cháu D, còn chị G nuôi cháu Y, không đề cập vấn đề cấp dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, anh Tr thay đổi ý kiến về việc nuôi con chung, cụ thể là anh yêu cầu được nuôi cả hai con, không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con, còn những ý kiến khác anh Tr vẫn giữ nguyên. Anh Tr trình bày hiện nay anh sống phụ thuộc vào bố mẹ, theo bố mẹ đi bán hàng theo chợ phiên ở các xã, bố mẹ là người thu tiền nên anh không tính được thu nhập một tháng là bao nhiêu. Về tên của mình, anh Tr khai tại biên bản hòa giải tại thôn lại ghi thành “Ch” là ghi sai chính tả, họ tên chính xác của anh là Giàng Seo Tr.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo Biên bản lấy lời khai của những người làm chứng là ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị H thì họ đều khai là có biết vợ chồng chị G và anh Tr chung sống không hạnh phúc. Tại buổi hòa giải ở thôn thì chị G trình bày anh Tr nhiều lần đánh đập chị, còn anh Tr thừa nhận là có được đánh vợ. Hiện nay chị G đã về nhà mẹ đẻ ở. Anh Tr, chị G có hai con chung, còn có tài sản chung hay không thì những người làm chứng không biết.

Ủy ban nhân dân xã XG, huyện QB cung cấp thông tin cho biết chị G và anh Tr đăng ký kết hôn năm 2016 và có hai con chung. Theo nội dung hòa giải tại thôn,

thì chị G trình bày là năm 2016 và năm 2017, do anh Tr say rượu, không làm chủ được bản thân và nghi ngờ chị G ngoại tình nên đánh đập chị G; anh Tr thừa nhận chị G trình bày đúng thực tế. Chị G có nguyện vọng được ly hôn còn anh Tr không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Sùng Thị G ly hôn với anh Giàng Seo Tr; về con chung thì căn cứ các điều 58, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Giàng Thị Y cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Sùng Thị D cho anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập đến; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên mới đủ tuổi kết hôn. Chị Sùng Thị G và anh Giàng Seo Tr chung sống như vợ chồng khi cả hai đều chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định trên, nhưng khi đăng ký kết hôn thì cả hai vợ chồng đều đã đủ tuổi kết hôn, nên tính từ thời điểm đăng ký kết hôn thì chị G và anh Tr là kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của nguyên đơn, bị đơn, lời khai của những người làm chứng, biên bản hòa giải tại thôn cũng như thông tin do Ủy ban nhân dân xã XG, huyện QB cung cấp thì vợ chồng chị G và anh Tr chung sống không hạnh phúc và việc trong quá trình chung sống, anh Tr đánh chị G là có thật. Trong khi đó, Luật Hôn nhân và gia đình quy định cấm hành vi bạo lực gia đình (điểm h khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình), đồng thời quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu” (Điều 19) và “Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau” (Điều 21). Tuy anh Tr không muốn ly hôn với chị G nhưng chị G khẳng định không còn tình cảm vợ chồng, yêu thương anh Tr nữa, mà theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Hôn nhân và gia đình về “Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình” thì hôn nhân phải là tự nguyện. Tòa án thấy vợ chồng chị G và anh Tr đã phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay, hôn nhân giữa chị G và anh Tr lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị G ly hôn anh Tr.

[2] Về con chung, tuy cháu Sùng Thị D được sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn nhưng được cả chị G và anh Tr đều thừa nhận là con chung, nên theo quy định tại Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng chị G, anh Tr có hai con gái chung là cháu D và cháu Y. Chị G yêu cầu nuôi cháu Y, còn anh Tr nuôi cháu D,

không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Theo bản tự khai và biên bản hòa giải thì ý kiến của anh Tr về con chung cũng giống với ý kiến của chị G. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh Tr yêu cầu được nuôi cả hai con, không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì “Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con” (khoản 2) và “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con” (khoản 3). Căn cứ vào điều kiện kinh tế, hoàn cảnh cụ thể của chị G, anh Tr như đã trình bày tại phiên tòa và xét thấy cháu Giàng Thị Y, sinh ngày 09/9/2016, chưa đủ 36 tháng tuổi, Tòa án thấy cần căn cứ các điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Y cho chị G nuôi và giao cháu D cho anh Tr nuôi, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị G và anh Tr không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng cho con, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập đến.

[4] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sùng Thị G ly hôn anh Giàng Seo Tr.

- Về con chung: Giao cháu Giàng Thị Y, sinh ngày 09/9/2016 cho chị Sùng Thị G trực tiếp nuôi, giao cháu Sùng Thị D, sinh ngày 31/12/2014 cho anh Giàng Seo Tr trực tiếp nuôi, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị Sùng Thị G và anh Giàng Seo Tr không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng cho con, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Sùng Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02869 ngày 23/5/2018

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mai Hồng

